

GIÁ ĐỒ HỘP ĐẦU CÁP TRUNG THỂ

I. PHẠM VI ÁP DỤNG:

Tiêu chuẩn kỹ thuật này được áp dụng cho giá đỡ hộp đầu cáp ngầm trung thể lên trụ.

II. TIÊU CHUẨN

- TCVN 1765 – 75 : Thép cacbon kết cấu thông thường.
- TCVN 1656 – 93 : Thép góc cạnh đều cán nóng – Cỡ, thông số kích thước.
- TCVN 6283 – 3 – 97 : Thép thanh cán nóng - Kích thước của thép dẹt.
- TCVN 5408 – 91 : Bảo vệ ăn mòn – Lớp phủ mạ kẽm nóng – Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử.

III. MÔ TẢ

1. Cấu tạo:

- Vật liệu : Thép CT3 tráng kẽm nóng
- Kích thước thép góc:
 - + Thép góc 70x70x7mm Chiều dài : 500mm
 - + Thép góc 60x60x6mm Chiều dài : 200mm
- Kích thước thép dẹt:
 - + Thép dẹt 80x8mm Chiều dài : 400mm
 - + Thép dẹt 60x6mm Chiều dài : 250mm
- Vị trí và kích thước các lỗ để bắt giá đỡ hộp đầu cáp trung thể vào trụ phải được thực hiện theo bản vẽ đính kèm.
- Các phụ kiện đi kèm theo bộ giá đỡ hộp đầu cáp trung thể:
 - + Bu-lông : 02 bu-lông M16x250
02 bu-lông M12x50
 - + Lòng dền : 04 lòng dền vuông d18
02 lòng dền vuông d14
 - + Đai ốc : 02 cái M16
02 cái M12

Tất cả các phụ kiện phải phù hợp theo tiêu chuẩn riêng của từng loại.




- Yêu cầu về bề mặt và lớp tráng kẽm của giá đỡ hộp đầu cáp trung thể:
 - + Bề mặt của giá đỡ phải trơn nhẵn, không có vết xước và khuyết tật.
 - + Độ dày trung bình tối thiểu lớp tráng kẽm : 70 μ m
 - + Lớp tráng kẽm phải đều và bám dính chắc vào kim loại nền.

2. Thông số kỹ thuật:

- Giới hạn bền đứt : $\geq 380\text{N/mm}^2$
- Giới hạn chảy : $\geq 250\text{ N/mm}^2$
- Độ giãn dài tương đối khi đứt : $\geq 26\%$

IV. CÁC HẠNG MỤC THỬ NGHIỆM ĐIỂN HÌNH

- Đo kích thước.

| | | |
|---|------------------------------|---|
| Kiểm tra:  | GIÁ ĐỒ HỘP ĐẦU CÁP TRUNG THỂ | |
| Duyệt:  | Ngày cập nhật: 18/11/2013 | 1/4  |

- Giới hạn bền đứt. (*)
- Giới hạn chảy. (*)
- Độ dẫn dài tương đối khi đứt. (*)
- Thử uốn 180°
- Thử nghiệm độ dày lớp mạ :
 - + Thành phần hóa học của kẽm nóng chảy.
 - + Chất lượng bề mặt lớp phủ đánh giá bằng mắt .
 - + Độ dày trung bình của lớp mạ. (*)
 - + Khối lượng lớp phủ.
 - + Độ bền bám dính của lớp mạ. (*)

(*) : Các hạng mục thử nghiệm bắt buộc (Biên bản thử nghiệm điện hình đính kèm theo hồ sơ chào hàng).

V. BẢNG TÓM TẮT CÁC THÔNG SỐ KỸ THUẬT

| STT | Mô tả | Yêu cầu | Chào thầu |
|-----|--|--|-----------|
| 1 | Hạng mục | Nhà thầu phát biểu | (*) |
| 2 | Nhà sản xuất | Nhà thầu phát biểu | (*) |
| 3 | Nước sản xuất | Nhà thầu phát biểu | (*) |
| 4 | Mã hiệu | Nhà thầu phát biểu | (*) |
| 5 | Các yêu cầu kỹ thuật chung trình bày trong bản “YÊU CẦU KỸ THUẬT CHUNG” | Đáp ứng | (*) |
| 6 | Tiêu chuẩn sản xuất và thử nghiệm | TCVN 1765 – 75 TCVN 1656 – 93 TCVN 5408 – 91 | (**) |
| 7 | Vật liệu: | Thép CT3 tráng kẽm nóng | (*) |
| 8 | Nhà thầu phải cung cấp giấy chứng nhận nguồn gốc thép CT3 khi giao hàng trong trường hợp được chọn trúng thầu | Đáp ứng | (*) |
| 9 | Kích thước thép góc: - Loại 70x70x7mm dài - Loại 60x60x6mm dài | 500 mm 200 mm | (*) |
| 10 | Kích thước thép dẹt: - Loại 80x8mm dài - Loại 60x6mm dài | 400 mm 250 mm | (*) |
| 11 | Vị trí và kích thước các lỗ để bắt giá đỡ hộp đầu cấp trung thể vào trụ phải được thực hiện theo bản vẽ đính kèm | Đáp ứng | (*) |
| 12 | Bề mặt của thanh thép phải trơn nhẵn, không có vết xước và khuyết tật | Đáp ứng | (*) |
| 13 | Độ dày trung bình tối thiểu lớp tráng kẽm | 70 µm | (*) |
| 14 | Lớp tráng kẽm phải đều và bám dính chắc vào kim loại nền | Đáp ứng | (*) |

| STT | Mô tả | Yêu cầu | Chào thầu |
|-----|---|--|-----------|
| 15 | Giới hạn bền đứt | $\geq 380 \text{ N/mm}^2$ | (*) |
| 16 | Giới hạn chảy | $\geq 250 \text{ N/mm}^2$ | (*) |
| 17 | Độ dẫn dài tương đối khi đứt | $\geq 26 \%$ | (*) |
| 18 | Phụ kiện: - Bu-lông - Lông đèn - Đai ốc Tất cả các phụ kiện phải phù hợp theo tiêu chuẩn riêng của từng loại. | 02 bu-lông M16x250 02 bu-lông M12x50 04 lông đèn vuông d18 02 lông đèn vuông d14 02 cái M16 02 cái M12 Đáp ứng | (*) |

(*) : là các yêu cầu cơ bản

(**) : là các yêu cầu không cơ bản

